

Số: 1547/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 07 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm, chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Văn bản số 4665/BNV-CCVC ngày 19/9/2018 của Bộ Nội vụ về việc xét thăng hạng giáo viên từ hạng III lên hạng II năm 2018;

Căn cứ các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 27/12/2018: Số 101/KH-UBND tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non công lập tỉnh Thái Bình năm 2018; số 102/KH-UBND tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên tiểu học công lập tỉnh Thái Bình năm 2018; số 103/KH-UBND tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên trung học phổ thông công lập tỉnh Thái Bình năm 2018; số 104/KH-UBND tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 400/SGDDĐT-TCCB ngày 21/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

1. Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm, chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non công lập tỉnh Thái Bình (*Phụ lục I kèm theo*);

2. Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm, chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên tiểu học công lập tỉnh Thái Bình (*Phụ lục II kèm theo*);

3. Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm, chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình (*Phụ lục III kèm theo*);

4. Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm, chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên trung học phổ thông công lập tỉnh Thái Bình (*Phụ lục IV kèm theo*).

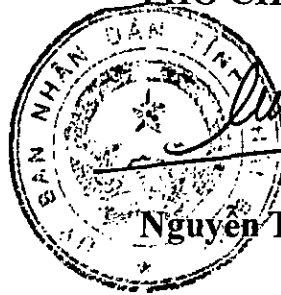
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*trung*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Báo Thái Bình;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NC. *trung*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Linh
Nguyễn Thị Linh

Phụ lục I
Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm,
chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng giáo viên mầm non
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non công lập tỉnh Thái Bình (Sau đây gọi chung là Hội đồng); Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Hội đồng thực hiện đúng các quy định sau:

Phần I.

**XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁO VIÊN MẦM NON
HẠNG IV (MÃ SỐ V.07.02.06) LÊN GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III (MÃ SỐ V.07.02.05)**

I. HÌNH THỨC TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG:

Chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III.

**II. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ, ĐIỂM CÁC MINH CHỨNG THEO
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐIỂM TĂNG THÊM CHO
MINH CHỨNG**

Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

1. Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của cấp có thẩm quyền hoặc các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của giáo viên mầm non hạng III.

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (2 điểm);

b) Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có (0,5 điểm).

2. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non (5 điểm);

(Nếu có trình độ đào tạo đại học sư phạm mầm non trở lên cộng thêm 3 điểm).

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thông dụng trình độ B trở lên hoặc các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên cộng thêm 1 điểm).

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có bằng trung cấp công nghệ thông tin trở lên cộng thêm 1 điểm).

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (5 điểm - *Nếu chưa có vẫn cho điểm*).

Ghi chú: Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức xét thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp nhưng vẫn cho theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm. Nếu có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

3. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm);

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non (30 điểm);

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm).

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

(Nếu có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua, giáo viên dạy giỏi cấp cao hơn so với quy định cộng thêm 5 điểm).

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc (mã ngạch 15.115) từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

III. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC THĂNG HẠNG

1. Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;
2. Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu như sau:
 - Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ 5 điểm;
 - Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng 20 điểm;
 - Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ 75 điểm.

Phần II

XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG IV (MÃ SỐ V.07.02.05) LÊN GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III (MÃ SỐ V.07.02.04)

I. HÌNH THỨC TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

Chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của cấp học mầm non. Nếu điểm hồ sơ đạt 100 điểm trở lên thì thí sinh được tham gia sát hạch thông qua làm bài khảo sát trên giấy.

II. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ, ĐIỂM CÁC MINH CHỨNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐIỂM TĂNG THÊM CHO MINH CHỨNG:

Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm, điểm hồ sơ bao gồm các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của cấp có thẩm quyền hoặc các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của giáo viên mầm non hạng II.

a) Tham gia biên tập hoặc biên soạn nội dung tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp huyện trở lên (2 điểm);

b) Tham gia bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên cấp trường trở lên (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học Mầm non cấp huyện trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm từ cấp huyện trở lên (0,5 điểm).

2. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm):

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non (5 điểm);
(Nếu có trình độ đào tạo thạc sĩ trở lên cộng thêm 3 điểm).

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thông dụng trình độ B trở lên hoặc các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên cộng thêm 1 điểm).

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có bằng cao đẳng công nghệ thông tin trở lên cộng thêm 1 điểm).

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (5 điểm - Nếu chưa có vẫn cho điểm).

Ghi chú: Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức xét thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp nhưng vẫn cho theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm. Nếu có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

3. Nhóm tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của cấp có thẩm quyền và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

Thực hiện sáng tạo, linh hoạt chương trình giáo dục mầm non; hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non (30 điểm);

Tích cực chủ động phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên (15 điểm);

(Nếu có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua, giáo viên dạy giỏi cấp cao hơn so với quy định cộng thêm 5 điểm).

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận về thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III

hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc mã ngạch 15a.206 từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, CÁCH TÍNH ĐỂM SÁT HẠCH

1. Hình thức sát hạch: Làm bài trắc nghiệm trên giấy; thời lượng làm bài 45 phút.

2. Nội dung sát hạch: Nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II bao gồm:

- Điều lệ trường mầm non (Ban hành theo Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường mầm non);

- Thông tư số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/0/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

- Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình Giáo dục mầm non và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT.

3. Đề sát hạch, cách tính điểm sát hạch

- Đề sát hạch: Mỗi câu hỏi đều có liên hệ thực tế về chuyên môn nghiệp vụ.

- Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.

- Hội đồng xét thăng hạng quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi.

III. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC THĂNG HẠNG

1. Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

2. Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu như sau:

- Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ 5 điểm;

- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng 20 điểm;

- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ 75 điểm.

3. Điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

Hội đồng xét thăng hạng giáo viên mầm non có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung tại Quy định này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục II
Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm,
chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng giáo viên tiểu học
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1577/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên tiểu học công lập tỉnh Thái Bình; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Hội đồng Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên cấp tiểu học công lập tỉnh Thái Bình (Sau đây gọi chung là Hội đồng) thực hiện đúng các quy định sau:

Phần I
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ
GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG IV (mã số V.07.03.09)
LÊN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III (mã số V.07.03.08)

I. HÌNH THỨC TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III.

II. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ, ĐIỂM CÁC MINH CHỨNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐIỂM TĂNG THÊM CHO MỖI MINH CHỨNG

Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

1. Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ (5,0 điểm): Bao gồm bản nhận xét của đại diện Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của cấp có thẩm quyền và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của giáo viên tiểu học hạng III.

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới (1,5 điểm);

b) Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp (0,5 điểm);

c) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên (1,5 điểm);

d) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

đ) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi (0,5 điểm);

e) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm).

2. Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm):
Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy (5 điểm);

(Nếu có trình độ đào tạo đại học sư phạm tiểu học hoặc đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên cộng thêm 3 điểm)

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thông dụng trình độ B trở lên hoặc các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thông dụng trình độ B trở lên hoặc các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên cộng thêm 1 điểm)

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ ngoại ngữ tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh;

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tin học tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có bằng trung cấp công nghệ thông tin trở lên cộng thêm 1 điểm)

Ghi chú: Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức xét thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp nhưng vẫn cho theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm. Nếu có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (5 điểm - *Nếu chưa có vẫn cho điểm*).

3. Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm): Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của cấp có thẩm quyền và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học (5 điểm);

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học (10 điểm);

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học (20 điểm);

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học (10 điểm);

- Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên (10 điểm).

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

(Nếu có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp cao hơn so với quy định cộng thêm 5 điểm)

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV hoặc mã ngạch 15.114 từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (5 điểm).

III. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC THĂNG HẠNG

1. Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

2. Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu như sau:

- Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ 5 điểm;

- Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng 20 điểm;

- Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ 75 điểm.

Phần II
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III (mã số V.07.03.08)
LÊN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG II (mã số V.07.02.07)

I. HÌNH THỨC TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

Chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của cấp học tiểu học. Nếu điểm hồ sơ đạt 100 điểm trở lên thì thí sinh được tham gia sát hạch thông qua làm bài khảo sát trên giấy.

II. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ, ĐIỂM CÁC MINH CHỨNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐIỂM TĂNG THÊM CHO MỖI MINH CHỨNG

Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm, điểm hồ sơ bao gồm các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ (5,0 điểm): Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của cấp có thẩm quyền và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của giáo viên tiểu học hạng II.

a) Tham gia biên tập, biên soạn, phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên, học sinh tiểu học (1 điểm);

b) Chủ trì các hoạt động bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề của nhà trường hoặc tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp từ cấp huyện trở lên (2 điểm);

c) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên tiểu học từ cấp huyện trở lên (1 điểm);

d) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên (0,5 điểm);

đ) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp huyện trở lên (0,5 điểm).

2. Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm): Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm tiểu học hoặc đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy (5 điểm);

(Nếu có trình độ đào tạo thạc sĩ trở lên cộng thêm 3 điểm)

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thông dụng trình độ B trở lên hoặc các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên cộng thêm 1điểm)

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ ngoại ngữ tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh;

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tin học tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có bằng cao đẳng công nghệ thông tin trở lên cộng thêm 1điểm)

Ghi chú: Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức xét thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp nhưng vẫn cho theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm. Nếu có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

d) Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (5 điểm - *Nếu chưa có vẫn cho điểm*).

3. Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm):

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của cấp có thẩm quyền và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

- Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học (5 điểm);

- Hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục tiểu học (10 điểm);

- Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học của đồng nghiệp (20 điểm);

- Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học (10 điểm);

- Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện trở lên (10 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên (15 điểm);

(Nếu có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp cao hơn so với quy định cộng thêm 5 điểm)

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III hoặc ngạch 15a.204 từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, CÁCH TÍNH ĐIỂM SÁT HẠCH

1. Hình thức sát hạch: Làm bài trắc nghiệm trên giấy; thời lượng làm bài 45 phút.

2. Nội dung sát hạch: Nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II bao gồm:

- Điều lệ trường tiểu học ban hành theo Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập ban hành theo Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình Giáo dục phổ thông.

2. Đề sát hạch, cách tính điểm sát hạch

- Đề sát hạch: Mỗi câu hỏi đều có liên hệ thực tế về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.

- Hội đồng xét thăng hạng quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi.

IV. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC THĂNG HẠNG

1. Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

2. Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu như sau:

- Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ 5 điểm;

- Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng 20 điểm;

- Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ 75 điểm.

3. Điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

Hội đồng xét thăng hạng giáo viên tiểu học có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung tại Quy định này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục III

**Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm,
chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1547/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Hội đồng Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình (Sau đây gọi chung là Hội đồng) thực hiện đúng các quy định sau:

I. HÌNH THỨC TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.03.11)

II. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ, ĐIỂM CÁC MINH CHỨNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐIỂM TĂNG THÊM CHO MỖI MINH CHỨNG

Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

1. Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ (5,0 điểm): Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của cấp có thẩm quyền và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của giáo viên trung học cơ sở hạng II.

a) Làm báo cáo viên hoặc kế hoạch bài giảng minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới (1,0 điểm);

b) Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp khi được phân công (0,5 điểm);

c) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn (1,5 điểm);

d) Tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

đ) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trung học cơ sở cấp trường trở lên (0,5 điểm);

e) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên (0,5 điểm);

g) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh trung học cơ sở từ cấp trường trở lên (0,5 điểm).

2. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm): Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy kèm theo chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở (5 điểm);

(Nếu có trình độ đào tạo Thạc sĩ trở lên cộng thêm 3 điểm)

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thông dụng trình độ B trở lên hoặc các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên cộng thêm 1điểm)

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ ngoại ngữ tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh;

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tin học tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có bằng trung cấp công nghệ thông tin trở lên cộng thêm 1điểm)

Ghi chú: Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức xét thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp nhưng vẫn cho theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm. Nếu có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

d) Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (5 điểm - *Nếu chưa có vẫn cho điểm*).

3. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm): Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của cấp có thẩm quyền và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở (5 điểm);

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình, giáo dục trung học cơ sở (5 điểm);

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở (15 điểm);

- Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp học sinh trung học cơ sở (5 điểm);

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học cơ sở (10 điểm);

- Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên (10 điểm);

- Có khả năng đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học cơ sở (5 điểm);

b) Giấy chứng nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

Nếu có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế được cộng thêm 5 điểm.

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng III mã số V.07.03.12 hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc mã ngạch 15a202 từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc đại học các chuyên ngành khác phù hợp với bộ môn giảng dạy từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

III. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC THĂNG HẠNG

1. Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

2. Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu như sau:

- Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ 5 điểm;

- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng 20 điểm;

- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ 75 điểm.

Hội đồng xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung tại Quy định này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục IV
Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm, chấm hồ sơ,
sát hạch xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông công lập
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1547/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên trung học phổ thông công lập tỉnh Thái Bình năm 2018; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên trung học phổ thông công lập tỉnh Thái Bình (Sau đây gọi chung là Hội đồng) thực hiện đúng các quy định sau:

I. HÌNH THỨC TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14)

II. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ, ĐIỂM CÁC MINH CHỨNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐIỂM TĂNG THÊM CHO MỖI MINH CHỨNG

Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

1. Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ (5,0 điểm):
Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của cấp có thẩm quyền và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của giáo viên trung học phổ thông hạng II.

a) Làm báo cáo viên hoặc xác nhận của cấp có thẩm quyền đã tham gia dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới (0,5 điểm);

b) Tham gia hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm khi được phân công hoặc hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho đồng nghiệp (0,5 điểm);

c) Vận dụng hiệu quả sáng kiến kinh nghiệm, tham gia đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

đ) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn (1,0 điểm);

e) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trung học phổ thông cấp trường trở lên (0,5 điểm);

g) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi hoặc giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên (0,5 điểm);

h) Tham gia ra đề và chấm thi học sinh giỏi trung học phổ thông từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

i) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên (0,5 điểm).

2. Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm):
Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy kèm theo chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông (5 điểm);

(Nếu có trình độ đào tạo Thạc sĩ trở lên cộng thêm 3 điểm)

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thông dụng trình độ B trở lên hoặc các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên cộng thêm 1 điểm)

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ ngoại ngữ tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh;

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tin học tương đương theo quy định tại Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh (5 điểm);

(Nếu có bằng trung cấp công nghệ thông tin trở lên cộng thêm 1 điểm)

Ghi chú: Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức xét thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp nhưng vẫn cho theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để

bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm. Nếu có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

d) Chúng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (5 điểm - *Nếu chưa có vẫn cho điểm*).

3. Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm): Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của cấp có thẩm quyền và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông (5 điểm);

- Thực hiện tốt, kế hoạch, chương trình giáo dục trung học phổ thông (5 điểm);

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học phổ thông (15 điểm);

- Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học phổ thông (5 điểm);

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học phổ thông (10 điểm);

- Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên (10 điểm);

- Có khả năng hướng dẫn, đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên (5 điểm).

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi, giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

Nếu có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ

thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế được cộng thêm 5 điểm

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng III (mã số V.07.05.15) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng III hoặc mã ngạch 15.113 tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

III. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC THĂNG HẠNG

1. Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;
2. Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu như sau:
 - Nhóm tiêu chí về khả năng thực hiện nhiệm vụ 5 điểm;
 - Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng 20 điểm;
 - Nhóm tiêu chí tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ 75 điểm.

Hội đồng xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung tại Quy định này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

